

Số: /2025/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/Q15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3924/TTr-SGDĐT ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc đề nghị ban hành Quyết định Quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ.
2. Học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ.
3. Học sinh dân tộc nội trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú.
4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày

1. Khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày
 - a) Khoảng cách xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày đối với học sinh tiểu học từ 04 km trở lên; học sinh, học viên trung học cơ sở từ 07 km trở lên; học sinh, học viên trung học phổ thông từ 10 km trở lên.
 - b) Khoảng cách từ nhà đến trường có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối (không có cầu), qua đèo, núi cao, vùng sạt lở đất, đá: đối với học sinh tiểu học từ 02 km trở lên; học sinh, học viên trung học cơ sở từ 3,5 km trở lên; học sinh, học viên trung học phổ thông từ 5 km trở lên.
2. Địa bàn xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày là các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

Điều 4. Danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú học tại các cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú

1. Trang cấp đồ dùng cá nhân được cấp 01 lần ở mỗi cấp học theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ bao gồm: Chăn, màn, chiếu, gối, đệm, áo nỉlon đi mưa hoặc ô che mưa, móc treo quần áo, dép đi trong nhà.

2. Quần áo đồng phục và học phẩm cấp cho mỗi năm học theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ bao gồm: Quần áo đồng phục mùa đông, quần áo đồng phục mùa hè, cặp học sinh hoặc ba lô học sinh, vở, giấy, bút, bộ dụng cụ toán học, kéo, tẩy, hộp bút chì màu.

Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan hướng dẫn, triển khai, đôn đốc việc thực hiện các quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và Quy định này.

b) Thông báo, phổ biến Quyết định này đến UBND các xã, phường và các cơ sở giáo dục có học sinh, học viên được hưởng chính sách.

c) Tổ chức, chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện Quy định. Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên hoặc đột xuất theo yêu cầu; tham mưu đề xuất, báo cáo nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung chưa phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh bảo đảm kinh phí và hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ; kiểm tra việc thực hiện các quy định về tài chính trong quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện Nghị định theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Chỉ đạo các phòng, ban chức năng, các cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện đúng Quy định; ban hành quyết định phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú được hưởng chính sách và gửi kết quả cho cơ sở giáo dục thực hiện.

b) Tổ chức chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện Quy định; đảm bảo đúng chế độ, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, chống thất thoát, lãng phí và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành. Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên hoặc đột xuất theo yêu cầu.

c) Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao và chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình.

4. Các cơ sở giáo dục

a) Chịu trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra, xét duyệt hồ sơ của học sinh, học viên và tổ chức triển khai thực hiện chính sách đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và Quy định này.

b) Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan, người có thẩm quyền về tính chính xác, tính pháp lý của hồ sơ học sinh, học viên được hưởng chính sách.

5. Các sở, ngành, địa phương liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc thực hiện các quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và Quy định này.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức giám sát việc thực hiện Quy định này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2025.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7 Quyết định;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục KTVB&QLXLVPHC- Bộ Tư pháp;
- Các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo và Đài PT-TH Thanh Hóa;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng